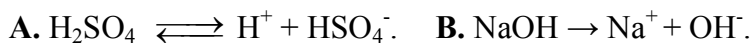


ĐỀ LUYỆN THI THPTQG MÔN HÓA HỌC

MÃ ĐỀ 190314

Câu 1: Phương trình điện li viết đúng là



Câu 2: Ứng dụng nào sau đây **không** phải của photpho?

A. Sản xuất diêm. B. Sản xuất bom.

C. Sản xuất axit photphoric. D. Sản xuất axit nitric.

Câu 3: Nhóm kim loại không tác dụng được với dung dịch HNO_3 đặc nguội là

A. Fe, Cr, Al. B. Cr, Pb, Mn. C. Al, Ag, Pb. D. Ag, Pt, Au.

Câu 4: Cacbon phản ứng với tất cả các chất trong dãy nào sau đây?

A. Fe_2O_3 , CO_2 , H_2 , HNO_3 đặc. B. CO, Al_2O_3 , HNO_3 đặc, H_2SO_4 đặc.

C. Fe_2O_3 , Al_2O_3 , CO_2 , HNO_3 . D. CO, Al_2O_3 , K_2O , Ca.

Câu 5: Hai chất: 2-metylpropan và butan khác nhau về

A. công thức cấu tạo. B. công thức phân tử.

C. số nguyên tử cacbon. D. số liên kết cộng hóa trị.

Câu 6: Số CTCT có thể có của ankin C_4H_6 là:

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7: Phenol phản ứng được với dung dịch nào sau đây?

A. NaCl. B. HCl. C. NaHCO_3 . D. KOH.

Câu 8: Andehit propionic có công thức cấu tạo là:

A. $\text{CH}_3\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-CHO}$. B. $\text{CH}_3\text{-CH}_2\text{-CHO}$.

C. $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{CH}_3)\text{-CHO}$. D. $\text{H-COO-CH}_2\text{-CH}_3$.

Câu 9: Chất nào trong 4 chất dưới đây dễ tan trong nước nhất?

A. $\text{CH}_3\text{-CH}_2\text{-O-CH}_3$. B. $\text{CH}_3\text{-CH}_2\text{-CHO}$.

C. $\text{CH}_3\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$. D. $\text{CH}_3\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$.

Câu 10: Thể tích dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,025M cần cho vào 100 ml dung dịch hỗn hợp gồm HNO_3 và HCl có pH = 1, để thu được dung dịch có pH = 2 là:

A. 0,224 lít. B. 0,15 lít. C. 0,336 lít. D. 0,448 lít.

Câu 11: Cho 400 ml dung dịch KOH 0,1M vào 400 ml dung dịch $MgCl_2$ 0,2M thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

A. 2,9. B. 1,16. C. 2,32. D. 4,64.

Câu 12: Cho 12 gam hợp kim của bạc vào dung dịch HNO_3 loãng (dư), đun nóng đến phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch có 8,5 gam $AgNO_3$. Phần trăm khối lượng của bạc trong mẫu hợp kim là

A. 45%. B. 55%. C. 30%. D. 65%.

Câu 13: Đốt cháy hoàn toàn 1 lít khí hidrocarbon X cần 4,5 lít oxi, sinh ra 3 lít CO_2 (cùng điều kiện). X có thể làm mất màu dung dịch $KMnO_4$. Vậy X là

A. propan. B. propen. C. propin. D. propadien.

Câu 14: Cho 27,2 gam ankin X tác dụng với 15,68 lít khí H_2 (đktc) có xúc tác thích hợp, thu được hỗn hợp Y (không chứa H_2). Biết Y phản ứng tối đa với dung dịch chứa 16 gam Br_2 . Công thức phân tử của X là

A. C_4H_6 . B. C_3H_4 . C. C_2H_2 . D. C_5H_8 .

Câu 15: Cho 4,6 gam một ancol no, đơn chức phản ứng với CuO nung nóng, thu được 6,2 gam hỗn hợp X gồm andehit, nước và ancol dư. Cho toàn bộ lượng hỗn hợp X phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , đun nóng, thu được m gam Ag. Giá trị của m là:

A. 10,8. B. 16,2. C. 43,2. D. 21,6.

Câu 16: Cho 5,76 gam axit hữu cơ X đơn chức, mạch hở tác dụng hết với $CaCO_3$ thu được 7,28 gam muối của axit hữu cơ. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. CH_3-CH_2-COOH . B. $HC\equiv C-COOH$.
C. $CH_2=CH-COOH$. D. CH_3COOH .

Câu 17: Cho các chất: metyl fomat, vinyl axetat, phenyl axetat, anlyl axetat, metyl acrylat. Số chất khi thủy phân trong môi trường axit, sản phẩm thu được tham gia phản ứng tráng bạc là:

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.
B. Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng tráng bạc.

C. Trong dung dịch, glucozơ tồn tại ở dạng mạch vòng ưu tiên hơn dạng mạch hở.

D. Metyl α -glicozit không thể chuyển sang dạng mạch hở.

Câu 19: Hợp chất hữu cơ X có tên gọi là isobutylamin. Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

A. $(\text{CH}_3)_2\text{CHNH}_2$. B. $(\text{CH}_3)_2\text{CHCH}_2\text{NH}_2$.

C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{NH}_2$. D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{CH}_3)\text{NH}_2$.

Câu 20: Một amino axit có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_9\text{NO}_2$. Số đồng phân amino axit là

A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 21: Trong các polime: polistiren, amilozơ, amilopectin, poli(vinyl clorua), tơ capron, poli(metyl metacrylat) và teflon. Những polime có thành phần nguyên tố giống nhau là:

A. Amilozơ, amilopectin, poli(vinyl clorua), tơ capron, poli(metyl metacrylat).

B. Tơ capron và teflon.

C. Polistiren, amilozơ, amilopectin, tơ capron, poli(metyl metacrylat).

D. Amilozơ, amilopectin, poli(metyl metacrylat).

Câu 22: Một peptit có công thức: $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CH}-\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}(\text{COOH})-\text{CH}(\text{CH}_3)_2$. Tên của peptit trên là:

A. Glyxinalaninvalin. B. Glyxylalanylvalyl.

C. Glyxylalanylvalin. D. Glyxylalanyllysin.

Câu 23: Có các dung dịch riêng biệt: $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, HCl , FeCl_3 , AgNO_3 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$, NiSO_4 . Nhúng vào mỗi dung dịch một thanh sắt nguyên chất. Số trường hợp xuất hiện ăn mòn hóa học là:

A. 5. B. 3. C. 6. D. 4.

Câu 24: Cho hỗn hợp Cu và Fe (Fe dư) vào dung dịch HNO_3 loãng được dung dịch X. Cho NaOH vào dung dịch X thu được kết tủa Y. Kết tủa Y chứa

A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$. B. $\text{Fe}(\text{OH})_2$ và $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

C. $\text{Fe}(\text{OH})_2$. D. $\text{Fe}(\text{OH})_3$ và $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

Câu 25: Quá trình khử Fe_2O_3 bằng CO trong lò cao, ở nhiệt độ khoảng $500 - 600^\circ\text{C}$, có sản phẩm chính là:

A. Fe. B. FeO . C. Fe_3O_4 . D. Fe_2O_3 .

Câu 26: Chỉ dùng dung dịch KOH có thể phân biệt được các chất riêng biệt trong nhóm nào sau đây?

- A. Zn, Al₂O₃, Al. B. Mg, K, NA.
C. Mg, Al₂O₃, Al. D. Fe, Al₂O₃, Mg.

Câu 27: Cho dung dịch Ba(HCO₃)₂ lần lượt vào các dung dịch: CaCl₂, Ca(NO₃)₂, NaOH, Na₂CO₃, KHSO₄, Na₂SO₄, Ca(OH)₂, H₂SO₄, HCl. Số trường hợp đồng thời tạo ra kết tủa và có khí bay ra là:

- A. 5. B. 2. C. 6. D. 3.

Câu 28: Vai trò nào sau đây **không** phải của criolit (Na₃AlF₆) trong sản xuất nhôm?

- A. Làm giảm nhiệt độ nóng chảy của Al₂O₃ (tiết kiệm năng lượng).
B. Có khối lượng riêng nhỏ hơn Al, nổi lên trên, ngăn cách để bảo vệ nhôm nóng chảy không bị oxi hóa trong không khí.
C. Tăng hàm lượng nhôm trong nguyên liệu.
D. Tạo được chất lỏng có tính dẫn điện tốt hơn Al₂O₃.

Câu 29: Crom (II) oxit là oxit

- A. có tính bazơ. B. có tính khử.
C. có tính oxi hóa. D. vừa có tính khử và vừa có tính bazơ.

Câu 30: Đun nóng 7,2 gam CH₃COOH với 6,9 gam C₂H₅OH (xúc tác H₂SO₄) thì thu được 7,04 gam este. Hiệu suất của phản ứng este hóa là

- A. 66,67%. B. 50,0%. C. 53,33%. D. 60,0%.

Câu 31: Cho 8,24 gam α-amino axit X (phân tử có một nhóm –COOH và một nhóm –NH₂) phản ứng với dung dịch HCl dư thì thu được 11,16 gam muối. X là

- A. H₂NCH(C₂H₅)COOH. B. H₂NCH₂CH(CH₃)COOH.
C. H₂N[CH₂]₂COOH. D. H₂NCH(CH₃)COOH.

Câu 32: Cho 10 ml dung dịch muối canxi tác dụng với lượng dư dung dịch Na₂CO₃.

Lọc lấy kết tủa nung đến khối lượng không đổi được 0,28 gam chất rắn. Nồng độ mol của ion canxi trong dung dịch ban đầu là

- A. 0,50M. B. 0,05M. C. 0,70M. D. 0,28M.

Câu 33: Hòa tan hết m gam bột nhôm kim loại bằng dung dịch HNO₃ thu được dung dịch A không chứa muối amoni và 1,12 lít hỗn hợp khí gồm N₂ và N₂O có tỉ khối so với He bằng 10,2. Khối lượng ban đầu m có giá trị bằng

A. 3,78 gam. B. 4,32 gam. C. 1,89 gam. D. 2.16 gam.

Câu 34: Cho 200 ml dung dịch H_3PO_4 1M vào 250 ml dung dịch hỗn hợp NaOH 0,5M và KOH 1,5M. Sau khi phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch X. Số gam muối có trong dung dịch X là

A. 38,4 gam. B. 32,6 gam. C. 36,6 gam. D. 40,2 gam.

Câu 35: Hòa tan hoàn toàn 20 gam hỗn hợp A gồm Mg, Fe_2O_3 bằng dung dịch HNO_3 đặc, dư, thu được dung dịch B và V lít NO_2 (đktc) là sản phẩm khử duy nhất. Thêm NaOH dư vào dung dịch B. Kết thúc thí nghiệm, lọc lấy kết tủa đem nung trong không khí đến khối lượng không đổi thu được 28 gam chất rắn. Giá trị của V là

A. 44,8. B. 33,6. C. 22,4. D. 11,2.

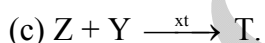
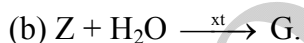
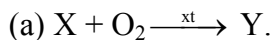
Câu 36: Dung dịch X chứa hỗn hợp KOH 0,2M và $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,1M. Dung dịch Y chứa hỗn hợp H_2SO_4 0,25M và HCl 0,75M. Thể tích dung dịch X cần để trung hòa vừa đủ 40ml dung dịch Y là

A. 0,063 lít. B. 0,125 lít. C. 0,15 lít. D. 0,25 lít.

Câu 37: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm fructozơ, metyl fomat, andehit fomic và glixerol. Sau phản ứng thu được 16,8 lít khí CO_2 (đktc) và 16,2 gam H_2O . Thành phần % theo khối lượng của glixerol trong hỗn hợp X là

A. 62,67%. B. 60,53%. C. 19,88%. D. 86,75%.

Câu 38: Cho các phản ứng sau:



Biết X, Y, Z, T, G đều có phản ứng với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 tạo kết tủa; G có 2 nguyên tử cacbon. Phần trăm khối lượng của oxi trong T là

A. 53,33%. B. 43,24%. C. 37,21%. D. 44,44%.

Câu 39: Hỗn hợp X gồm Al, Fe_3O_4 và CuO, trong đó oxi chiếm 25% khối lượng hỗn hợp. Cho 1,344 lít khí CO (đktc) đi qua m gam X nung nóng, sau một thời gian thu được chất rắn Y và hỗn hợp khí Z có tỉ khối so với H_2 bằng 18. Hòa tan hoàn toàn Y trong dung dịch HNO_3 loãng (dư), thu được dung dịch chứa 3,08m gam muối và 0,896

lít khí NO (đktc, là sản phẩm khử duy nhất). Giá trị m gần giá trị nào nhất sau đây?

- A. 9,0. B. 9,5. C. 8,0. D. 8,5.

Câu 40: Cho 8 gam Ca tan hoàn toàn trong 200 ml dung dịch hỗn hợp HCl 2M và H_2SO_4 0,75M thu được khí H_2 và dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thu được m gam muối khan. Đáp án nào sau đây là đúng về giá trị của m?

- A. $22,2 < m < 27,2$. B. $25,95 < m < 27,2$.
C. $22,2 \leq m \leq 27,2$. D. $22,2 \leq m \leq 25,95$.

hoc360.net